

# NHÀ Ở THỂ NÀO CHO THÍCH HỢP VỚI SỰ BIẾN ĐỔI CƠ CẤU VÀ QUY MÔ GIA ĐÌNH HIỆN NAY

TRỊNH THỊ QUANG

## 1. Hiện trạng cơ cấu quy mô gia đình.

Tiêu chuẩn bình quân diện tích ở theo đầu người trong một gia đình là thước đo đầu tiên để đánh giá điều kiện ở. Do đó số lượng người trong gia đình và các kiểu loại gia đình là tiêu chí nghiên cứu quan trọng.

Ở nước ta, trong điều kiện khó khăn về nhà ở hiện nay, các nhà khoa học đang phải lưu ý tới nhiều vấn đề, trong đó có sự phù hợp giữa số người và diện tích ở. Diện tích ở tiêu chuẩn là tỉ lệ giữa tổng số diện tích và tổng số người ở lý thuyết. Còn diện tích ở thực tế là tỉ lệ giữa tổng số diện tích và tổng số người ở thực tế. Sự chênh lệch giữa hai tỉ lệ trên sẽ góp phần giúp ta đánh giá hiện trạng nhà ở tốt hay xấu.

Tính chất phong phú và đa dạng trong cơ cấu-quy mô gia đình đã cho phép những người nghiên cứu về thể chế xã hội nhỏ này đi tới phân loại các kiểu gia đình khác nhau. Thời gian gần đây, để phục vụ cho việc nghiên cứu vấn đề ở người ta thường chia gia đình theo hai đặc điểm:

a) Theo loại hộ và tính chất gia đình.

b) Theo các giai đoạn phát triển của gia đình.

Ở loại thứ nhất, người ta chia thành bốn loại nhỏ khác nhau: hộ gia đình đơn giản gồm hai thế hệ bố mẹ và con (86,6%), hộ gia đình phức tạp, thường có ba thế hệ trở lên và có người sống nhờ<sup>(1)</sup> (13,4%). Về loại gia đình chia theo tính chất mối quan hệ vợ chồng thì có gia đình hoàn chỉnh có đủ vợ, chồng và có con hoặc chưa con (74,5%), còn lại là tỷ lệ gia đình không hoàn chỉnh do thiếu vợ hoặc chồng và có người sống nhờ<sup>(2)</sup>.

Ở cách phân loại gia đình theo sự phát triển của nó, ta có loại *gia đình ổn định* tính từ khi sinh đứa con đầu lòng tới lúc có con trưởng thành. Trong gia đình thuộc loại này, do có những đứa con nhỏ, người bố, người mẹ phải ở nhà nhiều hơn, cảm giác bận rộn và chật chội trong căn phòng rất rõ nét (56,7%). Loại *gia đình phát triển*: con cái đã lớn và có những nhu cầu khác nhau. Số khẩu ở loại này thường là 6- 7: người và có thể giảm nữa do cho con cái đi xây dựng gia đình (32,77%). *Gia đình giải*

<sup>(1)</sup> “Người sống nhờ” là khái niệm dùng để chỉ số người sống cùng căn hộ với gia đình chủ nhân nhưng không có hộ khẩu chính thức và thường có quan hệ họ hàng hoặc bạn bè với chủ hộ khẩu.

<sup>(2)</sup> Tài liệu nghiên cứu đề tài ở Hà Nội, 1979, lưu tại Viện Xã hội học.

thể là chặng cuối cùng của sự phát triển một gia đình. Ở loại này, cặp vợ chồng đã già, các con chuẩn bị có gia đình mới. Sự tồn tại của hai thế hệ hoàn toàn cách biệt nhau đã nảy sinh các mâu thuẫn giữa nhu cầu, sở thích, lối sống khác nhau.

Để hình thành một kế hoạch xây dựng nhà ở sát hợp và khoa học, cần biết tỉ trọng các loại gia đình, đồng thời cũng phải có số liệu về loại gia đình đông nhất để lưu ý trước tiên đến nhu cầu của chúng. Muốn làm được điều đó, phải dựa vào đặc điểm nhân khẩu các loại gia đình. Ở loại gia đình ổn định, cần tính toán một cơ cấu căn hộ có thể tăng diện tích khi cần thiết. Ngược lại với gia đình phát triển, nhà xây dựng chỉ cần bố trí số mét vuông ít hơn hoặc đúng tiêu chuẩn được phân phối. Riêng đối với gia đình giải thể, cần tạo điều kiện ở sao cho phù hợp những yêu cầu khác nhau của hai thế hệ.

Bên cạnh đó, các dấu hiệu khác như số người, số cặp vợ chồng, số thế hệ trong căn hộ cũng cần được lưu ý.

Khảo sát tại thành phố Hà Nội, người ta thấy loại gia đình 3-5 nhân khẩu chiếm hơn nửa tổng số gia đình. Những loại gia đình chiếm tỷ lệ đáng kể khác là gia đình 2 khẩu (12,7%) và 6 khẩu (10,4). Số nhân khẩu trung bình ở đây là 6 người/gia đình<sup>(3)</sup>.

Tại thành phố Hồ Chí Minh quy mô gia đình từ 5,9 người (1976) giảm xuống 5,5 người/gia đình (1979)<sup>(4)</sup> do những biến động chính trị - xã hội sau giải phóng miền Nam.

Sự khác nhau về những đặc điểm văn hóa xã hội trong từng quận huyện cũng tác động đến quy mô gia đình. Ví dụ ở thủ đô Hà Nội, quận Ba Đình vốn là khu phố cũ nên phổ biến loại gia đình lớn đông nhân khẩu. Còn ở quận Đống Đa, do có nhiều khu tập thể mới xây dựng nên lượng gia đình 3-4 nhân khẩu lại nhiều hơn.

Số người trong hộ gia đình liên quan mật thiết đến số thế hệ và số cặp vợ, chồng ở đó. Cần phân biệt khái niệm gia đình, hộ gia đình và căn hộ. Trong phạm vi nghiên cứu gia đình dưới góc độ ở, chúng tôi coi hộ gia đình là một nhóm người chung sống trong một không gian, có quan hệ huyết thống hoặc quan hệ kinh tế với nhau, cùng nhau tự nguyện đăng ký trong một hộ khẩu. Như vậy, hộ gia đình ở đây được quan niệm rộng hơn gia đình ở chỗ cơ sở của nó không phải chỉ có quan hệ hôn nhân, huyết thống mà còn có những quan hệ khác nữa. Không gian để hộ gia đình sinh sống gọi là căn hộ.

Mỗi thế hệ, do những đặc điểm về tuổi tác, nghề nghiệp, lối sống, đều có những nhu cầu hoạt động riêng của họ trong căn nhà. Một căn hộ cùng có nhiều thế hệ chung sống thì việc thiết kế các phòng, các khu vực riêng để thoả mãn các nhu cầu đó càng phức tạp. Vì vậy nghiên cứu khía cạnh này có ý nghĩa thực tiễn cho xây dựng và thiết kế mẫu nhà ở lâu dài. Kết quả các cuộc điều tra cho thấy tình hình chung sống thế hệ như sau:

Gia đình hai thế hệ chiếm tỉ lệ đa số ở các vùng. Riêng vùng nông thôn, loại gia đình mở rộng nhiều thế hệ vẫn còn đáng kể. Điều này cho thấy những biến động của

<sup>(3)</sup> Tài liệu đã dẫn.

<sup>(4)</sup> Tài liệu nghiên cứu đề tài ở tại thành phố Hồ Chí Minh, 1980, lưu tại Viện xã hội học.

Địa phương	Số thế hệ sống chung		
	2	3	> 3
Thành phố Hà Nội	76,7%	16,74	0,3
Thành phố Hồ Chí Minh	65,33	20,84	0,9
Nông thôn Hà Bắc	72,6	25,6	2,0

quá trình hạt nhân hoá gia đình dưới ảnh hưởng của những đặc điểm kinh tế, văn hóa và xã hội của từng vùng khác nhau.

Hiện nay do còn nhiều khó khăn nên chúng ta chưa thể đáp ứng nhu cầu mỗi cá nhân có một phòng ở riêng mà mới chỉ cố gắng đáp ứng cho nhu cầu ở của mỗi cặp vợ chồng trong căn hộ. Số liệu điều tra Xã hội học cho biết 80% gia đình ở Hà Nội đã có phòng riêng cho một cặp vợ chồng sinh sống. Tỷ lệ 2 cặp vợ chồng/căn hộ là 14,4%. Riêng số gia đình 3 cặp vợ chồng/căn hộ, từ 1% (1974) đã giảm xuống 0,71% (1979).

Diện tích ở bình quân tại thành phố Hồ Chí Minh hiện tại là 5m<sup>2</sup>/người nhưng phân bố không đều trong toàn thành phố. Nhiều gia đình còn phải sống quá chật chội (36%). Tỷ lệ hai cặp vợ chồng căn hộ là 5,49% và 3cặp vợ chồng căn hộ là 0,47%.

Việc bố trí số phòng ở cho một căn hộ cũng cần tính đến các yếu tố giới tính, số người và số cặp vợ chồng trong đó. Ví dụ trong một hộ 4 người lớn (2 nam, 2 nữ) mà không có cặp vợ chồng nào thì chỉ cần hai phòng. Nhưng nếu ở đó lại có một cặp vợ chồng thì việc cấp 2 phòng lại trở nên không hợp lý ở chỗ 2 người khác giới dù là anh em ruột thịt cũng không nên ở cùng phòng.

Thực tế cho thấy, dù gần gũi về mặt huyết thống, nhiều cặp vợ chồng sống chung một căn hộ vẫn làm cho mối quan hệ ở đó phức tạp lên rất nhiều. Về mặt tâm lý mỗi cặp vợ chồng là một gia đình nhỏ. Để thực hiện tốt các chức năng sinh học và xã hội của gia đình, cần tạo điều kiện sắp xếp sao cho mỗi cặp vợ chồng có một phòng riêng biệt. Nếu số diện tích quá hẹp thì ít nhất cũng cần phải có chỗ ngủ riêng kín đáo để tạo điều kiện cho họ sống hạnh phúc và có văn hóa. Tình trạng sống chung căn hộ, chung phòng của nhiều cặp vợ chồng, nhất là những gia đình đang ở giai đoạn phát triển, càng làm cho thực trạng nhà ở thêm khó khăn và gây ra những hiện tượng không văn minh hàng ngày. Chính vì thế dù trong hoàn cảnh khó khăn nào, người thiết kế và phân phối nhà cũng cần chú ý đến số diện tích hợp lý và độ linh hoạt của chỗ ở.

## 2. Mấy xu hướng nhân khẩu - xã hội liên quan tới cơ cấu - quy mô gia đình hiện nay.

Bên cạnh việc tìm hiểu hiện trạng cơ cấu - quy mô gia đình liên quan đến ở, việc nghiên cứu dự báo tình hình biến động của khía cạnh trên từ những cách tiếp cận khác nhau cũng được tiến hành.

Bằng phương pháp toán học các nhà xã hội học và kiến trúc đã đưa ra nhiều công thức để tính toán dự báo về cơ cấu gia đình, số khẩu trung bình trong gia đình, tổng số các loại gia đình hàng năm, v.v..<sup>(5)</sup>. Ở đây chúng tôi xin thông qua một số dữ liệu xã hội học để phân tích những xu hướng nhân khẩu xã hội lên quan tới sự biến đổi cơ cấu quy mô gia đình thời gian gần đây.

Để tìm hiểu vấn đề này chúng tôi lưu ý tới xu hướng kết hôn, những thay đổi trong quan niệm về sinh đẻ trong gia đình và quá trình hạt nhân hóa gia đình tại các vùng cư dân khác nhau.

Tuổi kết hôn của thanh niên qua điều tra xã hội học các năm gần đây cho biết ở thành phố: nam là 28,9, nữ là 24, còn ở nông thôn: nam là 23,7 và nữ là 21,2<sup>(6)</sup>.

So với trước đây, độ tuổi kết hôn nói trên là cao. Khi nhìn vào đặc điểm tâm lý, văn hóa và xã hội của cả nước và của riêng từng vùng cư dân hiện nay, chúng ta sẽ hiểu được nguyên nhân của tình hình nói trên.

Mấy năm gần đây, những trí thức về kế hoạch hoá gia đình và chính sách dân số quốc gia đã được phổ biến trong các tầng lớp nhân dân. Thanh niên là một trong những nhóm xã hội có điều kiện để tiếp thu mạnh hơn những tri thức mới và tiến bộ đó. Sự nhạy bén trong phong cách sống, trình độ học vấn thu nhập cao cộng với những giao tiếp xã hội sâu rộng đã cho họ một ý thức về tác hại của việc kết hôn quá sớm. Nhu cầu được hoạt động xã hội, được học tập để nâng cao trình độ mọi mặt cũng góp phần làm cho người thanh niên có một cách nhìn nhận về kết hôn và xây dựng gia đình tương lai của mình khác trước. Ở nông thôn, các hiện tượng tảo hôn, cưới chạy tang hầu như đã chấm dứt. Tại các trường học, xí nghiệp, nhiều thanh niên đã cố gắng hoãn thời gian kết hôn lại để học xong chương trình hay dùng thời gian đó để nâng cao tay nghề, tìm cách sáng tạo, phát minh trong công việc.

Ngoài những nguyên nhân từ bản thân người thanh niên, những lý do khách quan khác cũng góp phần làm tăng tuổi kết hôn hiện nay. Chúng tôi chú ý nhiều đến điều kiện nhà ở khó khăn ở thành phố.

Khác với các vùng nông thôn, diện tích ở của thành phố thường rất eo hẹp. Mức độ chuyển đổi nhà ở rất chậm. Thông thường, mỗi gia đình phải sống từ 15-17 năm mới được dời sang căn hộ khác. Trong khi đó, mức diện tích ở và không gian căn hộ của nhiều gia đình phổ biến là chỉ vừa đủ cho số người cố định trong một gia đình sinh sống. Vì vậy điều băn khoăn lớn của nam nữ thanh niên thành phố là sau khi xây dựng gia đình sẽ ở đâu. Đó cũng là nỗi lo của nhiều người bố, người mẹ trong suốt cả cuộc đời. Chẳng hạn với một gia đình có ba người con nhưng diện tích đang ở chỉ vừa đủ cho một người con, còn hai người con khác thì họ sẽ thu xếp ra sao đây. Để giải quyết vấn đề đó, người ta tìm đến nhiều hướng khác nhau như dựa vào bố mẹ bên vợ bên chồng bà con, anh em, họ hàng. Tìm hiểu nguồn nhà ở của 234 thanh

<sup>(5)</sup> Xem một số kết quả nghiên cứu xã hội học về ở tại thủ đô Hà Nội: Những khía cạnh dân số xã hội của gia đình đối với kế hoạch hoá và phân phối nhà ở. Tài liệu nghiên cứu đề tài ở 1979-1980 lưu tại Viện Xã hội học.

<sup>(6)</sup> Tài liệu điều tra xã hội học tại các tỉnh Hà Nội, Hà Bắc, 1982, 1983 lưu tại Viện xã hội học.

niên chưa kết hôn ở Hà Nội, chúng tôi được biết có 48,3% người chưa biết mình sẽ trông cậy vào ai để có nhà nếu họ lập gia đình. Chỉ có 4,2% số người quê ở Hà Nội là có nhà riêng, còn lại 13,7% trông chờ cơ quan phân phối, 18,1% có ý định sẽ sống nhờ bố mẹ hai bên<sup>(7)</sup>.

Trong thực tế, do sự thay đổi nhiều mặt của từng gia đình, sự trông cậy nói trên không phải lúc nào cũng được đáp ứng đầy đủ. Nhất là khi người thanh niên kết hôn ở độ tuổi cao, thời kỳ sinh đẻ của cặp vợ chồng ngăn lại thì nhu cầu nhà ở lại càng đặt ra cấp thiết hơn. Trong vòng 5-7 năm trở lại, cặp vợ chồng sẽ sinh từ 1-2 con. Số nhân khẩu tăng nhanh làm cho mức bình quân diện tích ở hạ xuống. Đó là chưa kể hàng loạt khó khăn của cuộc sống đặt ra như việc nuôi con nhỏ, việc làm thêm để tăng thu nhập. v. v... Vấn đề đặt ra bức bách là giải quyết nhà ở cho các cặp vợ chồng mới cưới.

Ở nông thôn, những cặp vợ chồng thường dựa vào bố mẹ bên chồng là chính. Tại một số xã, có tới 65% cặp vợ chồng kết hôn từ 20 năm trở lại đây sau khi cưới đã sống chung với bố mẹ chồng<sup>(8)</sup>. Cặp vợ chồng trẻ sống như vậy khoảng 5 - 10 năm cho tới khi sinh tới 1 - 2 đứa con mới tách khỏi bố mẹ ra ở riêng. Thời gian sống chung với bố mẹ cũng chính là thời gian họ tích tụ nguyên liệu và các thứ khác đủ chi phí cho việc làm nhà. Tập quán đó hiện nay vẫn còn rất rõ ở nhiều vùng. Ngoài ra, ở nông thôn còn có nhiều cặp vợ chồng trẻ tuy đã tách khỏi bố mẹ về kinh tế nhưng vẫn sống chung vì nó là loại gia đình ghép có hai cặp vợ chồng bố mẹ và con cái sống chung một mái nhà nhưng độc lập về ăn chia phân phối, về sở hữu tài sản và về hộ khẩu.

Nghiên cứu về sự biến đổi cơ cấu quy mô gia đình và vấn đề ở, cần chú ý tới tình hình nhà ở sau cưới ở thành phố. Tại một cuộc điều tra xã hội học ở Hà Nội 381 gia đình, có 13,7% cặp vợ chồng phải ở tạm bợ nhiều nơi, 46,2% ở với bố mẹ 2 bên, 3,1% ở nhờ họ hàng 3,11% thuê nhà tư nhân, v. v...<sup>(9)</sup>. Tình hình đó buộc nhiều đôi vợ chồng trẻ phải tìm mọi khả năng, kể cả việc chỉ được ở nhờ trong thời gian ngắn 5 - 6 tháng. Trong khi đó nguyện vọng phổ biến của các gia đình trẻ là sống riêng nhưng gần bố mẹ.

\*

\* \*

Nghiên cứu các quy luật phát triển của gia đình là một phần không thể thiếu được trong xã hội học về vấn đề ở. Thông qua những đặc điểm nhân khẩu - xã hội của gia đình, các nhà khoa học từ góc độ kỹ thuật và xã hội, sẽ cùng nhau định ra được những dấu hiệu để hình thành các kiểu loại căn hộ, góp phần xây dựng mô hình tiêu chuẩn về nhà ở và không gian ở phù hợp với nhu cầu đa dạng của các loại gia đình. Điều đó sẽ nâng cao hiệu quả xã hội của vốn đầu tư cơ bản về ở trong thời gian qua ở nước ta.

<sup>(7)</sup> Số liệu điều tra thanh niên Hà Nội, 1982, lưu tại Viện Xã hội học.

<sup>(8)</sup> Số liệu điều tra nông dân tại Vĩnh Phú, 1982 lưu tại Xã hội học.

<sup>(9)</sup> Số liệu điều tra tại Hà Nội 1982, lưu tại Viện Xã hội học.

Để làm được điều đó, chúng ta không chỉ cố gắng trong việc nghiên cứu hiện trạng của vấn đề ở, của thiết kế và quy hoạch xây dựng mà còn phải có nhiều cố gắng phát triển nền kinh tế, văn hoá và xã hội của các vùng cư dân. Về mặt cơ cấu quy mô gia đình, sự phát triển toàn diện đó sẽ tạo những biến chuyển cơ bản nhằm thúc đẩy quá trình hạt nhân hoá gia đình ở các vùng, nhất là nông thôn. Bên cạnh đó, việc tuyên truyền cho kế hoạch hoá gia đình và chính sách dân sự việc giáo dục những tri thức, dân số học cho mọi lứa tuổi từ trẻ em trong nhà trường đến những người cao tuổi cần được xúc tiến mạnh hơn để quan niệm về vấn đề sinh đẻ và số con có những chuyển biến phù hợp tình hình dân số hiện nay. Quá trình sinh đẻ của từng gia đình sẽ phải được quy định bởi những hành vi sinh đẻ có ý thức đối với mỗi cặp vợ chồng mỗi gia đình trong độ tuổi sinh. Những chuyển biến đó sẽ đưa đến một chuẩn mực cơ cấu – quy mô gia đình trong các tầng lớp nhân dân. Chính sách dân số sẽ được thực hiện và trong tương lai, công tác xây dựng và phân phối nhà ở sẽ đạt được những hiệu quả tốt.